

**Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



**EY**

Building a better  
working world

# Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 35

# Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 1100107301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 1 tháng 11 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/GPPH do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2000.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 81B Quốc lộ 62, phường 2, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Như Song	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Thành viên	
Ông Phan Ngọc Sơn	Thành viên	
Ông Đoàn Văn Đông	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016
Ông Vũ Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2016

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Phương	Trưởng ban
Ông Vũ Hùng	Thành viên
Bà Lê Thị Trọng	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016
Bà Huỳnh Thị Ngọc Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Khải. Ông Phan Ngọc Sơn được Ông Nguyễn Văn Khải ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.



# Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Phan Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61207844/18591013-LR

## **BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đoàn Thị Thu Thủy  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

1010300811802



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>358.937.610.101</b>	<b>230.778.747.155</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>26.981.585.754</b>	<b>20.729.833.947</b>
111	1. Tiền		26.981.585.754	20.729.833.947
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>8.106.420.916</b>	<b>1.009.101.472</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	2.050.172.168	2.050.172.168
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5	(1.041.070.696)	(1.041.070.696)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	7.097.319.444	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>62.284.071.725</b>	<b>48.115.118.855</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	41.015.540.618	45.301.902.502
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	24.807.781.764	6.570.637.954
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		543.262.431	325.091.487
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(4.545.513.525)	(4.545.513.525)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		463.000.437	463.000.437
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>259.580.254.144</b>	<b>158.680.861.483</b>
141	1. Hàng tồn kho		259.580.254.144	158.680.861.483
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.985.277.562</b>	<b>2.243.831.398</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	652.180.747	152.512.410
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	1.333.096.815	2.091.318.988
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>67.260.689.075</b>	<b>74.316.304.145</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>45.746.858.446</b>	<b>51.313.900.662</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	45.504.303.983	51.235.894.319
222	Nguyên giá		78.080.728.969	82.211.639.696
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(32.576.424.986)	(30.975.745.377)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	242.554.463	78.006.343
228	Nguyên giá		310.629.500	136.629.500
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(68.075.037)	(58.623.157)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>2.098.454.139</b>	<b>4.242.966.547</b>
231	1. Nguyên giá		4.515.304.012	13.249.634.175
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.416.849.873)	(9.006.667.628)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>308.819.930</b>	<b>376.918.133</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		308.819.930	376.918.133
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>19.106.556.560</b>	<b>18.382.518.803</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	19.106.556.560	18.382.518.803
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>426.198.299.176</b>	<b>305.095.051.300</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>271.591.606.451</b>	<b>153.953.485.232</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>267.670.332.844</b>	<b>149.339.211.625</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.215.954.294	3.617.389.851
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		347.245.334	154.041.074
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.353.494.967	47.326.592
314	4. Phải trả người lao động		2.127.144.675	4.431.417.528
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		274.815.018	300.000.303
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		70.000.000	70.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	711.510.696	10.889.741.333
320	8. Vay ngắn hạn	18	260.274.134.036	129.288.152.741
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		296.033.824	541.142.203
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.921.273.607</b>	<b>4.614.273.607</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	105.000.000	798.000.000
342	2. Dự phòng dài hạn khác	19	3.816.273.607	3.816.273.607
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>154.606.692.725</b>	<b>151.141.566.068</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>154.606.692.725</b>	<b>151.141.566.068</b>
411	1. Vốn cổ phần		147.280.190.000	147.280.190.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		147.280.190.000	147.280.190.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.894.688.720	24.894.688.720
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		49.617.325.328	49.627.325.328
421	4. Lỗi lũy kế		(67.185.511.323)	(70.660.637.980)
421a	- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước		(70.660.637.980)	(95.049.476.471)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.475.126.657	24.388.838.491
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>426.198.299.176</b>	<b>305.095.051.300</b>

0  
 0  
 0  
 BIẾT  
 JAT  
 ON  
 AN

Trương Thị Phượng Linh  
Người lập biểu

Dư Trường Linh  
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2016




Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	306.059.817.760	348.014.251.196
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(5.185.932.074)	(4.204.999.746)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	300.873.885.686	343.809.251.450
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(290.506.097.274)	(330.084.196.780)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.367.788.412	13.725.054.670
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	1.710.294.802	4.442.720.400
22	7. Chi phí tài chính	24	(2.419.920.400)	(4.372.736.789)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.760.158.350)	(1.959.777.349)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(6.251.413.170)	(7.614.259.992)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(3.829.396.353)	(2.811.261.550)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(422.646.709)	3.369.516.739
31	11. Thu nhập khác	25	5.349.966.972	1.253.815.149
32	12. Chi phí khác	25	(146.025.231)	(943.987.981)
40	13. Lợi nhuận khác	25	5.203.941.741	309.827.168
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.781.295.032	3.679.343.907
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(1.306.168.375)	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.475.126.657	3.679.343.907
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.3	236	250
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.3	236	250

  
Trương Thị Phượng Linh  
Người lập biểu

  
Dư Trường Linh  
Kế toán trưởng



  
Phan Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>4.781.295.032</b>	<b>3.679.343.907</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12, 13	2.869.694.852	3.046.835.592
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(1.943.000.000)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		155.303.062	330.063.851
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.551.014.730)	(3.786.177.235)
06	Chi phí lãi vay	24	1.760.158.350	1.959.777.349
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>4.015.436.566</b>	<b>3.286.843.464</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(13.377.898.811)	(54.643.449.544)
10	Tăng hàng tồn kho		(100.899.392.661)	(110.429.737.227)
11	Giảm các khoản phải trả		(13.484.326.053)	(18.785.580.240)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.164.494.694)	(233.213.361)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.770.739.429)	(1.895.283.018)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(255.108.379)	(137.480.200)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(126.936.523.461)</b>	<b>(182.837.900.126)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.932.207.254)	(436.541.170)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản khác		12.178.354.141	476.087.819
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.097.319.444)	-
27	Tiền thu lãi và lợi nhuận được chia		204.617.131	7.072.622.384
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>2.353.444.574</b>	<b>7.112.169.033</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được		362.213.529.865	421.123.341.159
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(231.382.380.070)	(250.522.112.990)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>130.831.149.795</b>	<b>170.601.228.169</b>

U.V.V. / 3/11  
U.V.V. / 3/11  
U.V.V. / 3/11



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.248.070.908	(5.124.502.924)
60	Tiền đầu kỳ		20.729.833.947	30.160.919.250
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.680.899	3.199.219
70	Tiền cuối kỳ	4	26.981.585.754	25.039.615.545



Trương Thị Phượng Linh  
Người lập biểu



Dư Trường Linh  
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1100105380 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 1 tháng 11 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/GPPH do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2000.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 81B Quốc lộ 62, phường 2, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 488 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 621).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 20 năm
Khác	6 – 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Khoản đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính được hạch toán như khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê theo lãi suất cố định trên giá trị đầu tư thuần hiện có.

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào các đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.12 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các khoản dự phòng**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các khoản dự phòng (tiếp theo)**

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

**3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

110  
CỔ  
CÓ  
ĐẠI  
HỘI  
CÔNG  
TY  
CỔ  
PHẦN  
CHẾ  
BIẾN  
HÀNG  
XUẤT  
KHẨU  
LONG  
AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

*Quý khen thưởng, phúc lợi*

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

**3.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quý khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Thu nhập cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

011  
NG  
PH  
NH  
KH  
GA  
-T.L



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với:

- ▶ cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.20 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

KẾ TÍNH TÀI CHÍNH CÔNG

# Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## 4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	137.316.009	140.120.446
Tiền gửi ngân hàng	26.844.269.745	20.589.713.501
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.981.585.754</b>	<b>20.729.833.947</b>



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	VND					
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán kinh doanh						
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nông sản Ninh Thuận	1.050.000.000	(1.041.070.696)	8.929.304	1.050.000.000	(1.041.070.696)	8.929.304
- Công ty Cổ phần Điện cơ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
- Khác	172.168	-	172.168	172.168	-	172.168
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.050.172.168</b>	<b>(1.041.070.696)</b>	<b>1.009.101.472</b>	<b>2.050.172.168</b>	<b>(1.041.070.696)</b>	<b>1.009.101.472</b>

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với thời hạn gốc trên 3 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

Như đã được đề cập trong Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng này để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ khách hàng	41.013.623.868	45.096.730.520
- Công ty Intersnack Procurement B.V	17.315.471.250	22.661.030.000
- Khách hàng khác	23.698.152.618	22.435.700.520
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>1.916.750</u>	<u>205.171.982</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.015.540.618</b>	<b>45.301.902.502</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(491.984.717)</u>	<u>(491.984.717)</u>
<b>THUẬN</b>	<b><u>40.523.555.901</u></b>	<b><u>44.809.917.785</u></b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty TNHH Tan Mondial	16.030.394.352	-
Các khoản trả trước khác	<u>8.777.387.412</u>	<u>6.570.637.954</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.807.781.764</b>	<b>6.570.637.954</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(3.680.464.423)</u>	<u>(3.680.464.423)</u>
<b>THUẬN</b>	<b><u>21.127.317.341</u></b>	<b><u>2.890.173.531</u></b>

**9. NỢ XẤU**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Sita S.A.	1.579.459.464	-	1.579.459.464	-
Công ty TNHH Samcad Holding	1.282.750.912	-	1.282.750.912	-
Công ty TNHH Olam International	504.794.709	-	504.794.709	-
Khác	<u>1.476.864.492</u>	<u>298.356.052</u>	<u>1.476.864.492</u>	<u>298.356.052</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.843.869.577</u></b>	<b><u>298.356.052</u></b>	<b><u>4.843.869.577</u></b>	<b><u>298.356.052</u></b>

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

10. HÀNG TỒN KHO

		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Nguyên liệu, vật liệu	145.811.646.865	21.699.776.401
Thành phẩm	94.332.614.005	54.197.468.837
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.659.556.821	60.795.477.514
Hàng hóa	6.098.981.993	5.422.670.510
Công cụ, dụng cụ	1.677.454.460	1.836.073.677
Hàng gửi đi bán	-	14.729.394.544
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>259.580.254.144</u></b>	<b><u>158.680.861.483</u></b>



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	31.884.076.687	41.380.474.590	7.797.374.601	1.149.713.818	82.211.639.696
Mua mới trong kỳ	50.690.273	1.802.157.000	-	-	1.852.847.273
Thanh lý trong kỳ	-	(5.940.000.000)	-	(43.758.000)	(5.983.758.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>31.934.766.960</u>	<u>37.242.631.590</u>	<u>7.797.374.601</u>	<u>1.105.955.818</u>	<u>78.080.728.969</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>2.877.504.369</i>	<i>3.119.846.106</i>	<i>894.596.963</i>	<i>352.728.996</i>	<i>7.244.676.434</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	9.664.815.046	16.825.640.302	3.598.466.925	886.823.104	30.975.745.377
Hao mòn trong kỳ	642.754.600	1.721.373.615	323.536.542	39.214.439	2.726.879.196
Thanh lý trong kỳ	-	(1.089.000.022)	-	(37.199.565)	(1.126.199.587)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>10.307.569.646</u>	<u>17.458.013.895</u>	<u>3.922.003.467</u>	<u>888.837.978</u>	<u>32.576.424.986</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>22.219.261.641</u>	<u>24.554.834.288</u>	<u>4.198.907.676</u>	<u>262.890.714</u>	<u>51.235.894.319</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>21.627.197.314</u>	<u>19.784.617.695</u>	<u>3.875.371.134</u>	<u>217.117.840</u>	<u>45.504.303.983</u>

Như đã đề cập trong thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình để bảo đảm cho khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

VND  
Phần mềm  
máy tính

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	136.629.500
Mua mới trong kỳ	174.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>310.629.500</u>

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	58.623.157
Hao mòn trong kỳ	9.451.880
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>68.075.037</u>

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>78.006.343</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>242.554.463</u>

// 2016 - X 000000 VND



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

				VND
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và vật kiến trúc	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.787.344.868	9.905.491.922	1.556.797.385	13.249.634.175
Thanh lý trong kỳ	(1.787.344.868)	(5.854.018.903)	(1.092.966.392)	(8.734.330.163)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	4.051.473.019	463.830.993	4.515.304.012
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	161.323.588	4.092.436.587	456.796.490	4.710.556.665
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.502.864.910	6.446.175.599	1.057.627.119	9.006.667.628
Hao mòn trong kỳ	15.070.025	101.709.840	16.583.911	133.363.776
Thanh lý trong kỳ	(1.517.934.935)	(4.568.009.400)	(637.237.196)	(6.723.181.531)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	1.979.876.039	436.973.834	2.416.849.873
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	284.479.958	3.459.316.323	499.170.266	4.242.966.547
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	2.071.596.980	26.857.159	2.098.454.139

Như đã đề cập trong thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một số bất động sản đầu tư để bảo đảm cho khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

*Thuyết minh bổ sung:*

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	281.205.000	420.000.000
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	156.367.264	201.753.218

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm	206.935.949	3.995.200
Khác	445.244.798	148.517.210
	<u>652.180.747</u>	<u>152.512.410</u>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất (*)	16.350.720.880	16.550.526.028
Công cụ, dụng cụ	2.620.403.680	1.831.992.775
Khác	135.432.000	-
	<u>19.106.556.560</u>	<u>18.382.518.803</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.758.737.307</u></b>	<b><u>18.535.031.213</u></b>

(\*) Như đã được đề cập trong Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp chi phí thuê đất ở Khu Công nghiệp Lợi Bình Nhơn, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Công ty TNHH Nhựa Duy Tân	633.539.709	465.896.904
Phải trả đối tượng khác	1.582.414.585	3.151.492.947
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.215.954.294</u></b>	<b><u>3.617.389.851</u></b>



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**16. THUẾ**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Phải thu				
Thuế GTGT	2.091.318.988	529.611.044	(1.287.833.217)	1.333.096.815
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.1)	-	1.306.168.375	-	1.306.168.375
Khác	47.326.592	-	-	47.326.592
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.326.592</b>	<b>1.306.168.375</b>	<b>-</b>	<b>1.353.494.967</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	366.739.186	1.335.837.987
Bảo hiểm xã hội	111.768.710	-
Nhận ký quỹ	40.000.000	9.140.000.000
Phải trả, phải nộp khác	193.002.800	413.903.346
	711.510.696	10.889.741.333
Dài hạn		
Nhận ký quỹ	105.000.000	798.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>816.510.696</b>	<b>11.687.741.333</b>

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

18. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		VND
Vay ngân hàng	<u>260.274.134.036</u>	<u>129.288.152.741</u>

Công ty thực hiện các khoản vay này để tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
	USD	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN HCM	4.377.683	97.819.322.166	Từ ngày 6 tháng 10 năm 2016 đến ngày 5 tháng 12 năm 2016	Từ 2,8% đến 3,6%	Chi phí sử dụng đất và công trình, máy móc thiết bị đi kèm
	-	102.158.103.035	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016	3%	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - CN Long An	1.795.400	40.118.213.000	Từ ngày 16 tháng 9 năm 2016 đến ngày 26 tháng 11 năm 2016	3,1%	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM	903.043	20.178.495.835	Từ ngày 29 tháng 11 năm 2016 đến ngày 8 tháng 12 năm 2016	2,7%	Khoản tiền gửi ngân hàng
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>7.076.126</b></u>	<u><b>260.274.134.036</b></u>			



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dự phòng trợ cấp thôi việc	<u>3.816.273.607</u>	<u>3.816.273.607</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	147.280.190.000	24.894.688.720	49.627.325.328	(95.049.476.471)	126.752.727.577
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.679.343.907	3.679.343.907
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>147.280.190.000</u>	<u>24.894.688.720</u>	<u>49.627.325.328</u>	<u>(91.370.132.564)</u>	<u>130.432.071.484</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	147.280.190.000	24.894.688.720	49.627.325.328	(70.660.637.980)	151.141.566.068
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.475.126.657	3.475.126.657
Giảm khác	-	-	(10.000.000)	-	(10.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>147.280.190.000</u>	<u>24.894.688.720</u>	<u>49.617.325.328</u>	<u>(67.185.511.323)</u>	<u>154.606.692.725</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	14.728.019	14.728.019
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.728.019	14.728.019
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.728.019	14.728.019

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**20.3 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	3.475.126.657	3.679.343.907
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành ( <i>cổ phiếu</i> )	<u>14.728.019</u>	<u>14.728.019</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm ( <i>VND/cổ phiếu</i> )	<u>236</u>	<u>250</u>

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>306.059.817.760</b>	<b>348.014.251.196</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	305.778.612.760	347.594.251.196
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	281.205.000	420.000.000
<b>Trừ</b>	<b>(5.185.932.074)</b>	<b>(4.204.999.746)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(5.185.932.074)	(3.879.862.109)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	-	(325.137.637)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>300.873.885.686</u></b>	<b><u>343.809.251.450</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	300.592.680.686	343.389.251.450
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	281.205.000	420.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	300.521.220.884	343.563.051.881
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	352.664.802	246.199.569

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.468.927.168	909.861.349
Lãi tiền gửi ngân hàng	141.367.634	325.859.051
Thu nhập từ cổ tức	100.000.000	3.207.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.710.294.802</u></b>	<b><u>4.442.720.400</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá vốn hàng bán	290.349.730.010	329.882.443.562
Giá vốn dịch vụ cung cấp	156.367.264	201.753.218
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>290.506.097.274</u></b>	<b><u>330.084.196.780</u></b>

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí đóng gói	1.907.860.659	2.510.355.686
Chi phí nhân công	1.198.666.270	1.069.747.666
Chi phí bán hàng khác	3.144.886.241	4.034.156.640
	<u>6.251.413.170</u>	<u>7.614.259.992</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	2.175.265.947	3.145.522.982
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.654.130.406	(334.261.432)
	<u>3.829.396.353</u>	<u>2.811.261.550</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.080.809.523</u></b>	<b><u>10.425.521.542</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	1.760.158.350	1.959.777.349
Lỗ chênh lệch tỷ giá	659.762.050	2.412.959.440
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.419.920.400</u></b>	<b><u>4.372.736.789</u></b>

**25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.349.966.972</b>	<b>1.253.815.149</b>
Lãi từ thanh lý bất động sản đầu tư	5.309.647.096	476.087.819
Khác	40.319.876	777.727.330
<b>Chi phí khác</b>	<b>(146.025.231)</b>	<b>(943.987.981)</b>
Khác	(146.025.231)	(943.987.981)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>5.203.941.741</u></b>	<b><u>309.827.168</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên vật liệu	321.632.735.156	329.559.001.464
Chi phí nhân công	18.956.384.186	18.516.129.295
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12, 13)	2.869.694.852	3.046.835.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.317.474.676	3.094.310.243
Chi phí khác	2.594.757.431	3.729.860.860
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>350.371.046.301</u></b>	<b><u>357.946.137.454</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016			VND
	Hoạt động chính	Hoạt động bán bất động sản đầu tư	Tổng cộng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(1.749.546.842)</b>	<b>6.530.841.874</b>	<b>4.781.295.032</b>	<b>3.679.343.907</b>
<i>Các điều chỉnh:</i>				
Chi phí không được khấu trừ	140.254.563	-	140.254.563	-
Thu nhập từ cổ tức	(100.000.000)	-	(100.000.000)	(3.207.000.000)
<b>Lợi nhuận (lỗ) thuần điều chỉnh trước thuế và chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>(1.709.292.279)</b>	<b>6.530.841.874</b>	<b>4.821.549.595</b>	<b>472.343.907</b>
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-	-	(472.343.907)
<b>Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>(1.709.292.279)</b>	<b>6.530.841.874</b>	<b>4.821.549.595</b>	-
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành</b>	-	<b>1.306.168.375</b>	<b>1.306.168.375</b>	-
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>			<b>1.306.168.375</b>	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

**Các chênh lệch tạm thời**

	VND
Lỗi chuyển sang từ năm trước	125.619.666.683
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.816.273.607
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>129.435.940.290</u></b>

**27.3 Lỗi chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 125.619.666.683 VND (31 tháng 12 năm 2015: 123.910.374.404 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND	
				Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016
2012	2017	152.975.158.226	29.064.783.822	-	123.910.374.404
2016	2021	1.709.292.279	-	-	1.709.292.279
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>154.684.450.505</u></b>	<b><u>29.064.783.822</u></b>	<b>-</b>	<b><u>125.619.666.683</u></b>

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Bibica	Bên liên quan	Bán hàng hóa	377.712.905	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Pan	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	176.738.637	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	VND	
			30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Pan	Công ty mẹ	Bán hàng	1.916.750	-
Công ty Cổ phần Bibica	Bên liên quan	Bán hàng	-	205.171.982
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.916.750</b>	<b>205.171.982</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và thưởng	781.961.538	1.078.789.014





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**29. CÁC CAM KẾT**

**Thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dưới 1 năm	124.124.338	124.124.338
Từ 1 đến 5 năm	496.497.350	496.497.350
Trên 5 năm	1.794.134.840	1.856.817.630
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.414.756.528</b>	<b>2.477.439.318</b>

**Cho thuê hoạt động**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dưới 1 năm	420.000.000	1.680.000.000
Trên 1 năm	431.550.000	1.991.150.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>851.550.000</b>	<b>3.671.150.000</b>

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

  
 Trương Thị Phương Linh  
 Người lập biểu

  
 Dư Trường Linh  
 Kế toán trưởng

  
 Phan Ngọc Sơn  
 Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2016